

BẢNG KẾT QUẢ TS10 _THƯỜNG

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	112827	1	Phan Trường	An	19/07/2008	9A1	3	8,75	4,5	1	17,25
2	113289	21	Lê Vũ Ngọc	Khanh	26/12/2008	9A1	6,5	9	5,75	0	21,25
3	113398	2	Khấu Nguyễn Hoàng	Kim	16/08/2008	9A1	6,5	6,5	7	0	20
4	113631	12	Phạm Hồng	Ngọc	19/08/2008	9A1	6	5,75	2	0	13,75
5	113897	1	Nguyễn Huỳnh Xuân	Quyền	23/01/2008	9A1	6	6,75	6,25	0	19
6	113945	3	Nguyễn Hồng Phương	Tây	25/04/2008	9A1	6,5	8,75	6,25	0	21,5
7	113995	5	Nguyễn Thị Phương	Thảo	31/03/2008	9A1	5,5	9	6,5	0	21
8	114125	11	Huỳnh Minh	Tiến	24/02/2008	9A1	7,75	9	8	0	24,75
9	114129	11	Nguyễn Trí	Tiến	10/10/2008	9A1	4	4,75	7	0	15,75
10	114339	19	Lê Phương	Vy	27/01/2008	9A1	7	8,25	8	0	23,25
11	112807	1	Huỳnh Phúc	An	12/11/2008	9A10	4	7,25	4	0	15,25
12	112814	1	Nguyễn Âu Hoàng	An	08/11/2008	9A10	4,5	7,5	2,5	0	14,5
13	112858	3	Lưu Nguyễn Minh	Anh	21/11/2008	9A10	5,75	8	6,75	0	20,5
14	112972	8	Võ Quỳnh	Chi	02/03/2008	9A10	7,75	6,75	4	0	18,5
15	112985	8	Hà Hoàng	Đảm	15/12/2008	9A10	6,75	8,25	3,75	1	19,75
16	113059	11	Bùi Bảo	Duy	06/07/2008	9A10	4,75	6,75	3,75	0	15,25
17	113156	15	Ngô Phát	Hiệp	08/10/2007	9A10	6,75	4	4	1	15,75
18	113176	16	Nguyễn Minh	Hoàng	08/04/2008	9A10	6,5	7,25	5	0	18,75
19	113177	16	Nguyễn Văn	Hoàng	26/06/2008	9A10	6,25	8,5	4,5	0	19,25
20	113186	16	Nguyễn Tấn	Hùng	18/02/2008	9A10	7,25	8,5	6	0	21,75
21	113228	18	Lý Ngô Gia	Huy	10/01/2008	9A10	3,25	3,25	4	0	10,5
22	113234	18	Nguyễn Quang	Huy	01/04/2008	9A10	5,5	6,75	4,25	0	16,5
23	113238	19	Phạm Anh	Huy	24/04/2008	9A10	5,75	5,75	3,25	0	14,75
24	113239	19	Phạm Hoàng	Huy	22/01/2008	9A10	5,25	3,25	2,25	0	10,75
25	113286	21	Vãi Mạnh	Khang	26/04/2008	9A10	6	5,5	3,25	0	14,75
26	113366	1	Trần Tiêu Minh	Khôi	29/08/2008	9A10	4,25	3,75	3,25	0	11,25

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
27	113413	3	Tăng Thư	Kỳ	26/04/2008	9A10	4,75	3	1,75	1	10,5
28	113432	4	Châu Đức	Linh	26/11/2008	9A10	7,75	6,75	3,25	1	18,75
29	113538	8	Trương Phạm Công	Minh	30/04/2008	9A10	7,75	6,25	6	0	20
30	113570	9	Cao Thảo	Ngân	06/11/2008	9A10	6,75	4,5	3,75	0	15
31	113605	11	Nguyễn Trần Bảo	Nghi	14/05/2008	9A10	8,25	5,75	5,75	0	19,75
32	113681	14	Liêng Minh	Nhật	23/12/2008	9A10	6,5	4,5	4	1	16
33	113696	15	Lê Thị Tú	Nhi	04/02/2008	9A10	6,5	5	4,75	0	16,25
34	113714	15	Đinh Hà Phương	Như	02/11/2008	9A10	6	6,25	1,5	0	13,75
35	113723	16	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	28/09/2008	9A10	6,75	4,25	2	0	13
36	113790	19	Võ Thanh	Phong	07/11/2008	9A10	6	4,5	2	0	12,5
37	113857	21	Hồng Đặng	Quân	03/06/2008	9A10	6,5	6,75	4,75	1	19
38	113872	22	Trần Võ Minh	Quân	08/04/2008	9A10	6,75	5,5	1,75	0	14
39	113934	3	Tăng Phước	Tài	17/08/2008	9A10	7	6	5,25	0	18,25
40	113971	4	Trần Quốc	Thanh	19/07/2008	9A10	5,25	4,5	1,25	0	11
41	113987	5	Lê Ngọc Minh	Thảo	22/11/2008	9A10	6	5	3,5	0	14,5
42	114026	6	Lâm Đức	Thịnh	10/06/2008	9A10	5,75	5,25	3,5	1	15,5
43	114058	8	Lê Minh	Thư	10/11/2008	9A10	6	4,75	4,25	1	16
44	114122	10	Võ Thị Triều	Tiên	18/12/2008	9A10	6,75	6,5	3,25	0	16,5
45	114142	11	Nguyễn Khánh	Toàn	09/08/2008	9A10	6	7	6,25	0	19,25
46	114182	13	Nguyễn Thị Yên	Trang	21/11/2008	9A10	6	8,5	6,25	0	20,75
47	114220	15	Nguyễn Trương Ngọc	Trúc	29/08/2008	9A10	6,5	6,5	5	0	18
48	114277	17	Võ Lê Cát	Tuyền	05/02/2008	9A10	5	6	4,5	0	15,5
49	114280	17	Nguyễn Hoàng Khải	Uy	08/08/2008	9A10	6,75	8	7	0	21,75
50	114282	17	Huỳnh Dương Gia	Uyên	12/12/2008	9A10	7,75	7,75	5	0	20,5
51	112883	4	Phạm Nam	Anh	01/02/2008	9A11	3,75	1,75	1	0	6,5
52	112896	4	Trịnh Tuấn	Anh	04/08/2008	9A11	5,25	3,5	2	0	10,75
53	112902	5	Võ Quế	Anh	23/07/2008	9A11	7	8,25	5	0	20,25
54	112912	5	Cao Hoàng Gia	Bảo	12/02/2008	9A11	7	9,25	4,75	0	21

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
55	112941	6	Trình Thiên	Bảo	11/10/2008	9A11	4,25	8,5	4,25	0	17
56	113006	9	Hồ Nguyễn Minh	Đạt	29/05/2008	9A11	4,5	6,75	5,25	0	16,5
57	113008	9	Huỳnh Quang	Đạt	02/06/2008	9A11	7,25	6,5	5	0	18,75
58	113052	11	Lương Ngọc Thùy	Dương	04/09/2008	9A11	6	2,75	3,5	0	12,25
59	113067	11	Nguyễn Thanh	Duy	28/05/2007	9A11	4,5	5	2,75	0	12,25
60	113073	12	Tô Nguyễn Khương	Duy	18/08/2008	9A11	5,25	9,5	7,25	0	22
61	113082	12	Hồng Ngọc	Giang	29/08/2008	9A11	5,5	7	4,25	0	16,75
62	113264	20	Hồ Nguyên	Khang	10/08/2008	9A11	4,5	4,75	2,75	0	12
63	113368	1	Bùi Ngọc Đan	Khuê	30/10/2008	9A11	5,25	4,75	1,75	0	11,75
64	113377	1	Huỳnh Trung	Kiên	17/01/2008	9A11	6,25	7,75	4,25	0	18,25
65	113384	2	Nguyễn Anh	Kiệt	27/05/2008	9A11	3	6,5	3,75	0	13,25
66	113430	4	Nguyễn Thị Thúy	Liều	27/07/2008	9A11	5,75	5,25	4,25	0	15,25
67	113440	4	Lê Khánh	Linh	07/11/2008	9A11	8,5	9,5	8	0	26
68	113482	6	Trần Việt Thành	Long	29/04/2008	9A11	3,5	8,25	4,75	0	16,5
69	113527	8	Tô Nguyễn Hoàng	Minh	05/01/2008	9A11	5	5	2,25	1	13,25
70	113536	8	Trương Khánh	Minh	13/05/2008	9A11	8	9,5	6,25	1	24,75
71	113610	11	Nguyễn Phước	Nghĩa	08/06/2008	9A11	7	4,75	3,5	0	15,25
72	113722	16	Nguyễn Ngọc Bảo	Như	31/10/2008	9A11	6,25	6,25	4	0	16,5
73	113756	17	Nguyễn Hoàng	Phát	11/07/2008	9A11	6	5	5,5	0	16,5
74	113772	18	Võ Quý	Phát	03/07/2008	9A11	3,75	5,5	4	1	14,25
75	113780	18	Trương	Phi	09/05/2008	9A11	5,75	5,5	3,5	0	14,75
76	113796	19	Huỳnh Ngọc Thiên	Phú	18/05/2008	9A11	5,25	8	5	0	18,25
77	113805	19	Đặng Thiên	Phúc	04/06/2008	9A11	7	5	2,75	0	14,75
78	113948	3	Hà Quang	Thái	09/12/2008	9A11	5,75	7	5,75	0	18,5
79	113952	3	Phạm Nguyễn Hồng	Thắm	07/04/2008	9A11	4,25	4,5	1,5	0	10,25
80	114018	6	Thới Thái	Thiện	20/05/2008	9A11	7,25	8	3,75	0	19
81	114214	14	Huỳnh Thanh	Trúc	04/04/2008	9A11	6	4	1,5	0	11,5
82	114258	16	Nguyễn Văn Phước	Tuấn	06/06/2008	9A11	7	6,25	7,25	0	20,5

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
83	114272	17	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	01/09/2008	9A11	7,25	9,25	4,5	0	21
84	114291	17	Hồ Thanh	Vân	08/07/2008	9A11	7,25	6,5	3,25	0	17
85	114340	20	Lê Thiều	Vy	02/05/2008	9A11	6,75	6,25	5,25	0	18,25
86	114348	20	Nguyễn Hoài Thảo	Vy	21/07/2008	9A11	7,75	9	5,75	0	22,5
87	112845	2	Hà Ngọc Bảo	Anh	18/02/2008	9A12	7,75	5,25	6,25	0	19,25
88	112889	4	Trần Huỳnh Minh	Anh	03/02/2008	9A12	6	5,5	3,5	1	16
89	112921	5	Lê Gia	Bảo	07/02/2008	9A12	6,75	4	3,75	0	14,5
90	112944	6	Võ Chí	Bảo	20/09/2008	9A12	3,5	4,25	1	0	8,75
91	112997	9	Nguyễn Thành	Danh	22/10/2008	9A12	5	6,75	7,25	0	19
92	113062	11	Lê Quốc	Duy	05/12/2008	9A12	4,25	2	2,5	0	8,75
93	113064	11	Nguyễn Đặng Khánh	Duy	03/11/2008	9A12	3,5	5,5	4	0	13
94	113131	14	Vũ Gia	Hân	28/10/2008	9A12	7,5	5	4,5	0	17
95	113146	15	Huỳnh Thái Thiên	Hạo	27/03/2008	9A12	7,5	9	3,75	0	20,25
96	113198	17	Nguyễn	Hung	02/10/2008	9A12	7	8,75	8	0	23,75
97	113200	17	Nguyễn Phùng Hiệp	Hung	06/01/2008	9A12	6,75	6,25	7,5	1	21,5
98	113205	17	Trần Dương Gia	Hung	11/06/2008	9A12	5,5	5,75	6,25	0	17,5
99	113427	3	Trần Khánh	Lân	13/02/2008	9A12	2,75	2,75	0	0	5,5
100	113457	5	Phù Thành	Lộc	06/09/2008	9A12	7,25	9	9	1	26,25
101	113472	5	Nguyễn Lê Bảo	Long	18/02/2008	9A12	6,5	7	0,75	0	14,25
102	113523	7	Nguyễn Tường Quang	Minh	09/06/2008	9A12	5,75	8	5,5	0	19,25
103	113528	8	Trần Bình	Minh	04/07/2008	9A12	6,25	5,75	6	0	18
104	113539	8	Võ Nhân Trí	Minh	01/09/2008	9A12	5,25	8,25	7,75	0	21,25
105	113559	9	Đình Trung	Nam	09/09/2008	9A12	7,25	8,25	9	0	24,5
106	113609	11	Nguyễn Lư Đức	Nghĩa	09/07/2008	9A12	4,75	6,75	4,5	0	16
107	113657	13	Nguyễn Phan Phương	Nguyên	04/11/2008	9A12	6,25	7	5,5	0	18,75
108	113688	14	Dương Vân	Nhi	18/08/2008	9A12	7,5	9,25	7	0	23,75
109	113700	15	Nguyễn Lê Yến	Nhi	18/12/2008	9A12	5,25	5	4,25	0	14,5
110	113760	17	Nguyễn Thành	Phát	15/02/2008	9A12	6,5	7	4,75	0	18,25

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
111	113761	17	Nguyễn Thành	Phát	22/07/2008	9A12	6,5	7,25	5	0	18,75
112	113770	18	Trương Hoàng	Phát	24/05/2008	9A12	5,75	2,75	2,25	0	10,75
113	113774	18	Vương Tiến	Phát	13/07/2008	9A12	6,25	8	8,75	0	23
114	113785	18	Nguyễn Lê Hoài	Phong	18/11/2008	9A12	6,75	7,25	5,5	0	19,5
115	113868	22	Phạm Hoàng	Quân	06/10/2008	9A12	7,75	4,75	4,5	0	17
116	113885	1	Dương Chấn	Quốc	16/11/2008	9A12	5,5	4,5	8	1	19
117	113942	3	Quách Minh	Tân	10/04/2008	9A12	6	8	5,5	0	19,5
118	114104	10	Nguyễn Ngọc Thanh	Thủy	20/07/2007	9A12	4,5	3	3,25	0	10,75
119	114127	11	Lê Trọng	Tiến	11/06/2008	9A12	7,5	8,75	6	0	22,25
120	114144	11	Nguyễn Vương	Toàn	07/07/2008	9A12	7,25	8	7,25	0	22,5
121	114202	14	Võ Nguyễn Hải	Triều	14/06/2008	9A12	6,5	9	8	0	23,5
122	114206	14	Nguyễn Phương	Trinh	21/05/2008	9A12	7,5	6,5	2,25	0	16,25
123	114213	14	Huỳnh Ngọc	Trúc	17/03/2008	9A12	7,5	9,25	6,25	0	23
124	114271	17	Nguyễn Minh	Tường	22/09/2008	9A12	6,25	3,75	3,25	0	13,25
125	114357	20	Nguyễn Thanh Phương	Vy	12/07/2008	9A12	4,25	2,5	1,5	1	9,25
126	114362	20	Phạm Hoàng Ngọc	Vy	14/05/2008	9A12	6,75	4,25	3,5	0	14,5
127	114368	21	Trần Ngọc Phương	Vy	03/12/2007	9A12	5,5	8,75	4	0	18,25
128	112842	2	Đỗ Xuân Bảo	Anh	24/05/2008	9A2	8,25	9,25	7,25	0	24,75
129	113079	12	Võ Lê Tố	Duyên	11/05/2008	9A2	7,5	9	8	0	24,5
130	113091	12	Phạm Hoàng	Hà	10/04/2008	9A2	5,5	9,5	8,5	0	23,5
131	113130	14	Võ Ngọc Bảo	Hân	29/06/2008	9A2	7,5	9,5	8,75	0	25,75
132	113199	17	Nguyễn Chấn	Hưng	15/09/2008	9A2	7,5	9,5	6,75	0	23,75
133	113216	18	Đình Gia	Huy	18/04/2008	9A2	7,5	8,25	4,75	0	20,5
134	113274	20	Nguyễn Duy	Khang	17/11/2008	9A2	6	9	6,5	0	21,5
135	113371	1	Nguyễn Đình Minh	Khuê	08/08/2008	9A2	8,75	9,5	8	0	26,25
136	113435	4	Hoàng Thùy	Linh	14/01/2008	9A2	7,75	9,5	7	0	24,25
137	113483	6	Trịnh Tiến	Long	06/05/2008	9A2	8,25	9,75	9,75	0	27,75
138	113516	7	Nguyễn Nhật	Minh	12/10/2008	9A2	8	8,75	7	0	23,75

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
139	113547	8	Nguyễn Ngọc Thảo	My	26/05/2008	9A2	7,75	9	4,5	0	21,25
140	113555	9	Trác Thái	Mỹ	23/01/2008	9A2	7,75	8,5	7	1	24,25
141	113583	10	Nguyễn Thảo	Ngân	01/05/2008	9A2	8,25	9,75	8,5	0	26,5
142	113732	16	Trác Thái	Như	15/07/2008	9A2	8,75	8,25	6,25	1	24,25
143	113737	16	Võ Ngọc Quỳnh	Như	26/03/2008	9A2	7,75	4,75	4,75	0	17,25
144	114005	6	Nguyễn Ngọc Minh	Thi	10/04/2008	9A2	7,25	9,5	6	0	22,75
145	114154	12	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	27/03/2008	9A2	8	10	6,25	0	24,25
146	114180	13	Nguyễn Huyền	Trang	10/01/2008	9A2	8	8	6,5	0	22,5
147	114352	20	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Vy	05/11/2008	9A2	8,25	9,5	8	0	25,75
148	114397	22	Phan Mỹ	Ý	12/06/2008	9A2	6,5	9	7,75	0	23,25
149	112856	3	Lưu Hà	Anh	24/10/2008	9A3	5,75	6,75	5	0	17,5
150	112869	3	Nguyễn Ngọc Loan	Anh	01/08/2008	9A3	6	3,25	2,25	0	11,5
151	112882	4	Phạm Lê Trâm	Anh	19/03/2008	9A3	7,25	5,25	3,75	0	16,25
152	112909	5	Đỗ Lâm Thiên	Băng	19/09/2008	9A3	6,75	6	3	0	15,75
153	112980	8	Tô Minh	Cường	24/11/2008	9A3	5,25	7,75	3,75	0	16,75
154	113104	13	Khuru Gia	Hân	01/02/2008	9A3	4,5	3,25	2	1	10,75
155	113140	15	Nguyễn Quốc	Hào	22/02/2008	9A3	7	2,5	4	0	13,5
156	113225	18	Lê Gia	Huy	17/06/2008	9A3	7,25	9	6	1	23,25
157	113307	21	Nguyễn Tăng Gia	Khánh	24/02/2008	9A3	6,75	9,25	6	0	22
158	113322	22	Lê Thanh	Khiết	10/03/2008	9A3	6	4,75	6,25	0	17
159	113420	3	Lê Phan Tuấn	Lâm	18/04/2008	9A3	8,5	6,75	6,75	0	22
160	113513	7	Nguyễn Hoàng	Minh	22/02/2008	9A3	7	3,5	6,5	0	17
161	113558	9	Châu Hoài	Nam	13/02/2008	9A3	4,75	3,75	5	1	14,5
162	113566	9	Sơn Phương	Nam	26/06/2008	9A3	6,25	5	5,5	1	17,75
163	113575	10	Nguyễn Kim	Ngân	16/01/2008	9A3	6,75	3,5	3,5	0	13,75
164	113577	10	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	19/01/2008	9A3	6,25	5,75	7,25	0	19,25
165	113663	13	Thái Thanh	Nguyên	06/08/2008	9A3	7	6	3,75	0	16,75
166	113664	13	Trần Khánh	Nguyên	18/07/2008	9A3	6,25	4,75	7	0	18

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
167	113672	14	Lương Ngọc Thiện	Nhân	29/01/2008	9A3	7	3,5	5,75	0	16,25
168	113710	15	Trần Lê Thảo	Nhi	31/05/2008	9A3	7,25	9	6	0	22,25
169	113741	17	Trần Kim Hồng	Nhung	04/06/2008	9A3	7,5	5	5	0	17,5
170	113752	17	Mạch Trí	Phát	04/12/2008	9A3	6,5	8,75	7,75	1	24
171	113758	17	Nguyễn Lê Minh	Phát	25/05/2008	9A3	4,75	4,75	3,75	0	13,25
172	113773	18	Vũ Nguyễn Đức	Phát	15/11/2008	9A3	7,25	8,75	7,25	0	23,25
173	113843	21	Liên Yễm	Phương	18/10/2008	9A3	7,75	6,5	3,25	1	18,5
174	113859	21	Huỳnh Phạm Minh	Quân	16/10/2008	9A3	6,25	7,75	7,25	0	21,25
175	113871	22	Trần Minh	Quân	06/08/2008	9A3	7,75	8,25	7,25	0	23,25
176	113875	22	Đặng Lê	Quang	12/05/2008	9A3	6,25	5,75	5	1	18
177	113904	1	Nguyễn Đông Uyên	Quỳnh	05/12/2008	9A3	8,5	8,75	5	0	22,25
178	113947	3	Đặng Nguyễn Viết	Thái	24/12/2008	9A3	8	8,75	8	0	24,75
179	113970	4	Trần Ngọc Thiên	Thanh	02/06/2008	9A3	8	9,75	9	0	26,75
180	114055	8	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	11/06/2008	9A3	7,75	7	7	0	21,75
181	114080	9	Phan Nguyễn Anh	Thư	06/01/2008	9A3	8,25	8	8	0	24,25
182	114145	11	Trần Trung	Toàn	30/09/2008	9A3	5	5,75	4,25	0	15
183	114227	15	Lê Thành	Trung	20/03/2008	9A3	4	1,5	0	0	5,5
184	114311	18	Dương Quốc	Việt	20/08/2008	9A3	6	5,75	8,75	0	20,5
185	114336	19	Huỳnh Ngọc Tường	Vy	19/10/2008	9A3	6	8	5,25	0	19,25
186	114341	20	Lê Thụy Tường	Vy	24/12/2008	9A3	6	7,75	1,5	0	15,25
187	114361	20	Nguyễn Võ Tường	Vy	31/10/2008	9A3	7,25	9,75	8	0	25
188	114365	21	Phan Lê Thảo	Vy	11/10/2008	9A3	8	7,5	7,5	0	23
189	114369	21	Trần Nguyễn Lam	Vy	28/06/2008	9A3	5	8,5	7	0	20,5
190	112844	2	Hà Duy	Anh	11/05/2008	9A4	5,25	5,25	7,75	0	18,25
191	112873	3	Nguyễn Nhật	Anh	15/05/2008	9A4	6,5	8,25	8	0	22,75
192	112927	6	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	22/09/2008	9A4	4,25	5,5	3,25	0	13
193	112965	7	Trần Ngọc	Châu	29/02/2008	9A4	4,75	6,75	0,5	0	12
194	112981	8	Trần Hải	Cường	05/07/2008	9A4	5,5	8,5	4,5	0	18,5

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
195	113183	16	Lâm Gia	Huệ	04/12/2008	9A4	6,5	9,25	4,75	0	20,5
196	113202	17	Nguyễn Tiến	Hưng	26/07/2008	9A4	5,25	8,25	3,5	0	17
197	113246	19	Trần Quốc	Huy	02/05/2008	9A4	5,25	7,75	4,25	0	17,25
198	113260	20	Trang Quốc	Khải	10/05/2008	9A4	6	6,5	4,75	0	17,25
199	113265	20	Hoàng Đăng	Khang	05/11/2008	9A4	5	9,25	3,75	0	18
200	113324	22	Cái Anh	Khoa	19/04/2008	9A4	4,25	5	3,75	0	13
201	113328	22	Hoàng Đăng	Khoa	05/11/2008	9A4	7,5	9,5	9	0	26
202	113363	1	Nguyễn Minh	Khôi	15/11/2008	9A4	6,75	7,5	4,75	0	19
203	113383	2	Lê Nguyễn Minh	Kiệt	27/07/2008	9A4	6,75	8	6,25	0	21
204	113431	4	Mohamed	Linda	11/06/2008	9A4	7,75	6,75	3,25	1	18,75
205	113444	4	Nguyễn Ngọc	Linh	09/10/2008	9A4	7,25	9,5	7,25	0	24
206	113496	6	Nguyễn Hồng Xuân	Mai	30/08/2008	9A4	7	3,75	3,75	0	14,5
207	113535	8	Trương Gia	Minh	14/07/2008	9A4	6,75	10	5,25	1	23
208	113571	9	Đặng Bích	Ngân	12/10/2008	9A4	6,75	8,5	4,25	0	19,5
209	113620	12	Nguyễn Bảo	Ngọc	02/06/2008	9A4	7,75	7,25	4,75	0	19,75
210	113626	12	Nguyễn Phạm Thanh	Ngọc	28/08/2008	9A4	8,5	9,75	7,75	0	26
211	113628	12	Nguyễn Vũ Thiên	Ngọc	15/01/2008	9A4	8	9,5	6	0	23,5
212	113643	12	Trần Huỳnh Yến	Ngọc	08/05/2008	9A4	8,5	9,5	5,25	0	23,25
213	113678	14	Trần Văn	Nhân	22/03/2008	9A4	6,75	9	8	0	23,75
214	113695	15	Lê Huỳnh Mẫn	Nhi	14/08/2008	9A4	6	9,5	7,75	0	23,25
215	113793	19	Hồ Vĩnh	Phú	23/09/2008	9A4	7,5	10	7,25	0	24,75
216	113799	19	Lôi Đại	Phú	16/10/2008	9A4	6,5	8,75	8,25	1	24,5
217	113836	21	Nguyễn Đức	Phước	09/10/2008	9A4	4,5	4	2,5	0	11
218	113852	21	Trần Ngọc Trúc	Phương	04/03/2008	9A4	6,75	8	5,25	0	20
219	113931	2	Nguyễn Tự Phước	Tài	06/05/2008	9A4	6,5	8,75	6,25	0	21,5
220	114152	12	Lê Huỳnh Bảo	Trâm	17/11/2008	9A4	7,5	8,75	6	0	22,25
221	114195	13	Phan Minh	Trí	02/07/2008	9A4	7,25	8,75	5,75	0	21,75
222	114236	15	Võ Xuân	Trường	16/04/2008	9A4	6,75	9,75	6,75	0	23,25

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
223	114256	16	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	26/08/2008	9A4	8	9	4,75	1	22,75
224	114266	16	Hà Hữu	Tường	12/03/2008	9A4	6,75	5,75	4,5	0	17
225	114276	17	Trương Trần Kim	Tuyền	01/07/2008	9A4	6,25	7	3,75	0	17
226	114301	18	Bùi Lê Yến	Vi	27/10/2008	9A4	8,5	9,25	6,25	0	24
227	114316	19	Lê Nhật	Vinh	18/12/2008	9A4	8,25	4,75	2,75	0	15,75
228	114347	20	Nguyễn Hồ Xuân	Vy	08/07/2008	9A4	7	8,25	6,5	0	21,75
229	112821	1	Nguyễn Thúy	An	03/08/2008	9A5	6,75	7	6	0	19,75
230	112870	3	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	05/09/2008	9A5	7	7,75	5	0	19,75
231	112888	4	Tôn Quế	Anh	10/10/2008	9A5	6	3,5	4	0	13,5
232	112998	9	Nguyễn Trọng	Danh	01/02/2008	9A5	5	9	6,5	0	20,5
233	113017	9	Nguyễn Thành	Đạt	13/07/2008	9A5	5,25	9,5	6	0	20,75
234	113101	13	Huỳnh Gia	Hân	19/08/2008	9A5	6,5	8	4,75	0	19,25
235	113114	13	Nguyễn Phạm Gia	Hân	13/01/2008	9A5	6	8,75	7,25	0	22
236	113144	15	Trần Gia	Hảo	18/04/2008	9A5	7	9,75	8	1	25,75
237	113191	17	Vương Tuấn	Hùng	24/12/2008	9A5	4,5	3,75	4	0	12,25
238	113193	17	Đặng	Hưng	26/01/2008	9A5	3,5	2,75	3,75	0	10
239	113231	18	Nguyễn Gia	Huy	23/11/2008	9A5	7	7,75	5,25	0	20
240	113279	20	Nhan Bửu	Khang	01/10/2008	9A5	6	8,25	9,25	1	24,5
241	113282	20	Trần Hoàng Trí	Khang	05/12/2008	9A5	4,75	3	3,75	0	11,5
242	113303	21	Nguyễn Hoàng Huy	Khánh	14/01/2008	9A5	6,75	7,5	5,5	0	19,75
243	113338	23	Nguyễn Tuấn	Khoa	24/09/2008	9A5	4,25	5,25	6,5	0	16
244	113456	5	Nguyễn Tấn	Lộc	01/01/2008	9A5	7,75	9,75	6,25	1	24,75
245	113511	7	Ngô Nguyễn Nhật	Minh	07/09/2008	9A5	6,5	8,75	5,5	0	20,75
246	113521	7	Nguyễn Tuệ Tâm	Minh	05/01/2008	9A5	8,25	9,5	8	0	25,75
247	113522	7	Nguyễn Tường	Minh	14/11/2008	9A5	7,75	9,5	8,75	0	26
248	113597	11	Lê Học Vũ	Nghi	12/09/2008	9A5	8	8	5	0	21
249	113629	12	Nguyễn Vưu Thanh	Ngọc	02/09/2008	9A5	7,75	5,75	6,25	0	19,75
250	113635	12	Thân Bảo	Ngọc	01/11/2008	9A5	7,75	10	6,25	0	24

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
251	113727	16	Nguyễn Trần Tâm	Như	24/08/2008	9A5	8	9,5	9	0	26,5
252	113775	18	Vưu Chung Tấn	Phát	28/01/2008	9A5	7	6,75	6,5	0	20,25
253	113923	2	Nguyễn Hồng Hải	Son	05/06/2008	9A5	6,75	8	7,75	0	22,5
254	113927	2	Bùi Tiến	Tài	01/07/2008	9A5	7,25	8,75	9	0	25
255	113986	5	Võ Đức Kim	Thành	01/07/2008	9A5	7	9,75	6	0	22,75
256	114062	8	Mai Lan	Thư	28/09/2008	9A5	7,25	10	8	0	25,25
257	114092	9	Lưu Gia	Thuận	29/01/2008	9A5	7	5,75	4,75	0	17,5
258	114149	12	Cao Huỳnh	Trâm	19/11/2008	9A5	7,5	8,25	7,5	0	23,25
259	114161	12	Võ Hoàng	Trâm	26/04/2008	9A5	6,75	9,5	7,5	0	23,75
260	114167	12	Lưu Huỳnh Thảo	Trân	01/09/2008	9A5	7,25	8,25	7,75	0	23,25
261	114179	13	Lê Thị Mỹ	Trang	25/07/2008	9A5	6,25	4,5	5	0	15,75
262	114192	13	Nguyễn Quyết	Trí	29/02/2008	9A5	5	7,25	7,75	0	20
263	114212	14	Huỳnh Lai Ngọc	Trúc	26/02/2008	9A5	7	9	8	0	24
264	114249	16	Cam Gia	Tuấn	09/02/2008	9A5	2	2,75	4	1	9,75
265	114293	18	Lê Thanh	Vân	27/07/2008	9A5	5,75	8,5	5,5	0	19,75
266	114326	19	Phan Thanh	Vũ	19/06/2008	9A5	7	9,5	7,5	0	24
267	114342	20	Lê Trần Thanh	Vy	18/12/2008	9A5	7,25	8,75	6	0	22
268	114383	21	Võ Phương	Vy	16/08/2008	9A5	7,25	9,5	9	0	25,75
269	112813	1	Lộc Trí	An	15/04/2008	9A6	5	4,25	4,25	1	14,5
270	112826	1	Phạm Quốc	An	09/09/2008	9A6	6,75	9,5	9	0	25,25
271	112893	4	Trần Ngọc Trâm	Anh	07/02/2008	9A6	6,25	8	3,5	0	17,75
272	112917	5	Hồ Quốc	Bảo	19/09/2008	9A6	5	6,5	5,25	0	16,75
273	112922	5	Lê Nguyễn Thiên	Bảo	17/01/2008	9A6	6,75	8,75	5,5	0	21
274	113000	9	Bùi Quốc	Đạt	15/12/2008	9A6	7	9,75	7,75	0	24,5
275	113032	10	Phạm Quỳnh Khả	Doanh	12/05/2008	9A6	7,75	9,25	6,75	0	23,75
276	113063	11	Ngô Thanh	Duy	15/01/2008	9A6	5,25	8,25	2,75	0	16,25
277	113099	13	Đinh Ngọc Gia	Hân	25/01/2008	9A6	7	8,25	6,75	0	22
278	113105	13	Lâm Bảo	Hân	14/04/2008	9A6	5,5	4,75	5,5	1	16,75

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
279	113229	18	Lý Ngọc	Huy	21/06/2008	9A6	5,5	7,75	4,75	0	18
280	113254	19	Nguyễn Bùi Nhật	Kha	31/01/2008	9A6	6,75	7,5	5,75	0	20
281	113280	20	Phạm Phúc	Khang	09/05/2008	9A6	7,5	9	6,75	0	23,25
282	113317	22	Phạm Gia	Khiêm	28/11/2008	9A6	5,5	9	7	1	22,5
283	113341	23	Nguyễn Võ Đăng	Khoa	12/01/2008	9A6	3	7	2,75	0	12,75
284	113354	23	Lê Minh	Khôi	29/10/2008	9A6	6,5	8,5	6,5	0	21,5
285	113378	1	Nguyễn Trung	Kiên	05/11/2008	9A6	6	4,25	2,5	0	12,75
286	113400	2	Nguyễn Hoàng	Kim	26/03/2008	9A6	8,75	10	9	0	27,75
287	113443	4	Nguyễn Ngọc	Linh	03/06/2008	9A6	7	9,75	6	0	22,75
288	113474	5	Nguyễn Nhật	Long	08/12/2008	9A6	7	8,25	5,75	0	21
289	113593	10	Huỳnh Gia	Nghi	09/03/2008	9A6	8	9,25	6,25	0	23,5
290	113595	10	Lê Gia	Nghi	11/03/2008	9A6	8,5	9,5	6,5	0	24,5
291	113734	16	Trương Phạm Tú	Như	01/08/2008	9A6	6,75	8,5	4,75	1	21
292	113751	17	Lê Đức	Phát	21/01/2008	9A6	6,75	9,25	5,25	0	21,25
293	113806	19	Dương Hồng	Phúc	05/05/2008	9A6	6,75	8	8,25	1	24
294	113867	22	Nguyễn Minh	Quân	20/11/2008	9A6	7	8,25	5	0	20,25
295	113889	1	Nguyễn Ngô Phú	Quý	28/06/2008	9A6	5,75	7	7,5	0	20,25
296	113924	2	Nguyễn Minh Hoàng	Son	15/03/2008	9A6	7	8,75	8,5	0	24,25
297	113933	3	Quách Chí	Tài	19/01/2008	9A6	5	5,75	2,5	0	13,25
298	113946	3	Lê Phúc	Thạch	06/01/2008	9A6	5,75	9	3,75	0	18,5
299	114050	7	Đoàn Nguyễn Minh	Thư	20/05/2008	9A6	6,75	7,25	4,75	0	18,75
300	114096	9	Diệp Liễu	Thường	13/10/2008	9A6	8	9,75	8,5	1	27,25
301	114170	12	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	21/09/2008	9A6	6,5	9	7,25	0	22,75
302	114191	13	Nguyễn Ngọc	Trí	28/07/2008	9A6	7,5	8,75	6,75	0	23
303	114218	14	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	08/11/2008	9A6	7,75	8,75	5	1	22,5
304	114231	15	Nguyễn Trần Kiến	Trung	12/09/2008	9A6	7,25	9,25	8	1	25,5
305	114310	18	Nguyễn Đặng Tuệ	Viên	01/02/2008	9A6	7,5	9,25	7,25	0	24
306	114375	21	Trần Tường	Vy	11/09/2008	9A6	7	6	3	0	16

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
307	114396	22	Phạm Thụy Như	Ý	14/11/2008	9A6	6	6,75	4	0	16,75
308	112884	4	Phạm Phan Quỳnh	Anh	13/10/2008	9A7	6	5,25	4,75	0	16
309	112897	4	Trương Huỳnh Quế	Anh	14/06/2008	9A7	6	8,25	5,75	1	21
310	113026	10	Vương Hồng	Di	27/03/2008	9A7	6,75	4	3,5	1	15,25
311	113046	11	Đặng Tấn	Dũng	26/08/2008	9A7	6,75	5,5	5,25	0	17,5
312	113051	11	Đỗ Trần Thùy	Dương	18/05/2008	9A7	7,25	9,25	6,5	0	23
313	113085	12	Nguyễn Sang	Giàu	26/09/2008	9A7	5,5	3	2	0	10,5
314	113288	21	Võ Lâm Bảo	Khang	25/05/2008	9A7	6	5,5	4,25	0	15,75
315	113293	21	Trần Lễ Quang	Khanh	30/05/2008	9A7	6,5	4,75	4,75	0	16
316	113295	21	Võ Thị Phương	Khanh	06/09/2008	9A7	6,25	7,5	1,75	0	15,5
317	113334	23	Nguyễn Minh	Khoa	05/07/2008	9A7	5,25	8	6,5	0	19,75
318	113350	23	Võ Long Nguyên	Khoa	07/01/2008	9A7	6,25	8,25	7	0	21,5
319	113428	4	Chen Xiao	Le	24/08/2008	9A7	8,75	9,25	8	1	27
320	113476	6	Nguyễn Tiến	Long	04/10/2008	9A7	5,75	6	6	0	17,75
321	113493	6	Vương Bảo	Ly	16/04/2008	9A7	8	5,5	6,25	0	19,75
322	113515	7	Nguyễn Nhật	Minh	04/07/2008	9A7	7,5	8,25	8	0	23,75
323	113542	8	Lê Thị Trà	My	24/06/2008	9A7	6,75	3,5	3,25	0	13,5
324	113572	10	Huỳnh Ngọc Kim	Ngân	28/01/2008	9A7	6,5	4,25	2,75	0	13,5
325	113578	10	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	31/08/2008	9A7	8,25	8,5	6,75	0	23,5
326	113624	12	Nguyễn Huỳnh Thiên	Ngọc	12/01/2008	9A7	8,75	8,75	8	0	25,5
327	113625	12	Nguyễn Phạm Minh	Ngọc	18/03/2008	9A7	7,75	9,5	8,75	0	26
328	113676	14	Phan Minh Thương	Nhân	28/03/2008	9A7	6,5	5,25	4	0	15,75
329	113817	20	Nguyễn Lê Diễm	Phúc	13/08/2008	9A7	7,5	8,5	7	1	24
330	113920	2	Đỗ Cao	Sơn	09/10/2008	9A7	7	8	8,25	0	23,25
331	113925	2	Trang Tuấn	Sơn	22/10/2008	9A7	7,5	7,25	6	0	20,75
332	113998	5	Tăng Ngọc Thanh	Thảo	24/04/2008	9A7	8,25	9	6,25	0	23,5
333	114017	6	Nguyễn Kỳ Hoàng	Thiện	07/07/2008	9A7	7,5	6,75	7,5	0	21,75
334	114034	7	Nguyễn Xuân	Thịnh	10/08/2008	9A7	7,5	8,75	5,5	0	21,75

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
335	114071	8	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	06/04/2008	9A7	8,75	9	4,25	0	22
336	114099	9	Đặng Nguyễn Phương	Thùy	20/08/2008	9A7	6,75	9,25	5,25	0	21,25
337	114146	11	Võ Minh	Tối	29/03/2008	9A7	7,5	7,5	9	0	24
338	114229	15	Nguyễn Quang	Trung	04/05/2008	9A7	6,5	7	4,25	0	17,75
339	114260	16	Trần Quốc	Tuấn	11/03/2008	9A7	5,5	5,25	4,75	0	15,5
340	114289	17	Bùi Thị Thanh	Vân	10/10/2008	9A7	7,75	4	5,25	0	17
341	114322	19	Trần Nhan Phúc	Vĩnh	26/11/2008	9A7	5,75	5	4,5	1	16,25
342	114328	19	Tăng Tiểu	Vương	07/04/2008	9A7	7,5	9	4,75	1	22,25
343	114338	19	Lê Phạm Phương	Vy	08/08/2008	9A7	7,5	7,75	5,75	0	21
344	114367	21	Trần Lê Yến	Vy	25/07/2008	9A7	8,5	8,75	4,75	0	22
345	114388	22	Nguyễn Gia	Vỹ	06/01/2008	9A7	5,25	6,75	5,75	0	17,75
346	112815	1	Nguyễn Hoàng	An	30/08/2008	9A8	5,75	5,75	8,75	0	20,25
347	112836	2	Võ Hồng	Ân	22/11/2008	9A8	8	9,5	8,25	0	25,75
348	112876	4	Nguyễn Quỳnh	Anh	23/02/2008	9A8	7	9,75	9	0	25,75
349	112892	4	Trần Ngọc Kim	Anh	10/12/2008	9A8	6,75	5,75	5,75	1	19,25
350	112898	4	Trương Quỳnh	Anh	25/08/2008	9A8	7,5	7,75	6,25	1	22,5
351	112900	5	Trương Tuấn	Anh	17/05/2008	9A8	6,75	8,25	6	0	21
352	112987	8	Trần Nguyễn Thiên	Đan	22/11/2008	9A8	7,25	8	9	0	24,25
353	112994	8	Tô Nguyễn Minh	Đăng	31/10/2008	9A8	7	8,75	7,75	0	23,5
354	113087	12	Đỗ Ngọc	Hà	18/02/2008	9A8	0	0	0	0	0
355	113112	13	Nguyễn Gia	Hân	05/09/2008	9A8	6,25	5,5	5	0	16,75
356	113139	14	Nguyễn Hoàn Tính	Hào	12/11/2008	9A8	7	4,5	7,75	0	19,25
357	113292	21	Nguyễn Phương	Khanh	21/01/2008	9A8	8	9,25	7,75	0	25
358	113304	21	Nguyễn Hoàng Ngọc	Khánh	26/08/2008	9A8	5,75	6,25	5,5	0	17,5
359	113399	2	Lê Diệp Gia	Kim	14/03/2008	9A8	8,25	7,75	7,25	0	23,25
360	113462	5	Bùi Đăng Hoàng	Long	24/11/2008	9A8	8,5	7,5	6,25	0	22,25
361	113557	9	Từ Gia	Mỹ	27/10/2008	9A8	6,25	5,75	6	1	19
362	113591	10	Võ Kim	Ngân	27/06/2008	9A8	8,75	6,75	5	0	20,5

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
363	113606	11	Trần Lâm Bảo	Nghi	17/08/2008	9A8	7,5	6,75	6,25	0	20,5
364	113898	1	Nguyễn Quang	Quyền	11/04/2008	9A8	7,5	6,75	8	0	22,25
365	113903	1	Ngô Phương	Quỳnh	23/08/2008	9A8	7,5	7,25	5,5	0	20,25
366	113908	2	Trần Nguyễn Vân	Quỳnh	09/12/2007	9A8	7,75	9	8,25	0	25
367	113949	3	Nguyễn Lâm Hoàng	Thái	26/04/2008	9A8	6,25	7,5	8	0	21,75
368	113989	5	Nguyễn Hoàng Thanh	Thảo	21/09/2008	9A8	7,75	9,75	9	0	26,5
369	113999	5	Tô Kim	Thảo	02/07/2008	9A8	8	8	7,5	0	23,5
370	114003	5	Trần Uyên	Thảo	20/01/2008	9A8	7,25	9,5	8,25	0	25
371	114028	7	Lưu Phúc	Thịnh	19/03/2008	9A8	7	10	6,5	1	24,5
372	114131	11	Phạm Mạnh	Tiến	25/05/2008	9A8	6	8,75	7,25	0	22
373	114162	12	Diệp Bảo	Trân	11/03/2008	9A8	7	9,5	8,5	1	26
374	114253	16	Lê Minh	Tuấn	24/09/2008	9A8	7,25	8	6,25	0	21,5
375	114295	18	Nguyễn Hoàng Yến	Vân	23/02/2008	9A8	8	9,5	9	0	26,5
376	114303	18	Lê Yến	Vi	15/04/2008	9A8	6,5	8	9	1	24,5
377	114305	18	Phan Hồ Đan	Vi	14/01/2008	9A8	7,25	8,75	7	0	23
378	114354	20	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	02/07/2008	9A8	8,5	6	6,75	0	21,25
379	114356	20	Nguyễn Phương	Vy	11/09/2008	9A8	8	9,25	7,5	0	24,75
380	112835	2	Trương Mỹ	Ân	24/07/2008	9A9	6,75	5	3,75	1	16,5
381	112895	4	Triệu Quỳnh	Anh	11/08/2008	9A9	6,5	5	4	0	15,5
382	112901	5	Trương Xuân	Anh	07/10/2008	9A9	6	8,75	7	0	21,75
383	112913	5	Chử Quốc	Bảo	24/07/2008	9A9	4	8,5	4,75	0	17,25
384	112939	6	Trần Ngô Quốc	Bảo	23/04/2008	9A9	3,75	1,25	2	0	7
385	112974	8	Jeng Fan Yi	Ching	01/01/2008	9A9	6,75	9,25	7	1	24
386	113138	14	Liêu Thanh	Hào	18/02/2008	9A9	6,5	7	4	0	17,5
387	113236	19	Nguyễn Thái Gia	Huy	02/01/2008	9A9	0	0	0	0	0
388	113241	19	Tô Gia	Huy	20/08/2008	9A9	3,25	4	2,25	0	9,5
389	113305	21	Nguyễn Ngô Hoàng	Khánh	28/12/2008	9A9	4,75	6	6	0	16,75
390	113648	13	Trần Thị Thanh	Ngọc	19/08/2008	9A9	6	3,5	2,75	0	12,25

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh		Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
391	113687	14	Dương Triệu Yến	Nhi	29/08/2008	9A9	8,5	6,25	5,25	0	20
392	113705	15	Nhan Diệp Yến	Nhi	02/11/2008	9A9	8	3,75	6	0	17,75
393	113736	16	Võ Ngọc Bảo	Như	26/09/2008	9A9	6,75	3,75	4	0	14,5
394	113757	17	Nguyễn Hoàng Kim	Phát	08/07/2008	9A9	6,75	8	5	0	19,75
395	113762	17	Nguyễn Trọng	Phát	20/07/2008	9A9	6,5	7,5	6,5	0	20,5
396	113822	20	Phạm Lê Hoàng	Phúc	03/03/2008	9A9	8,5	6,5	6,25	0	21,25
397	113840	21	Hồ Hoàn Khánh	Phương	23/07/2008	9A9	5	2,5	4	0	11,5
398	113979	4	Nguyễn Nhơn Tấn	Thành	27/11/2008	9A9	4,25	2,5	1,25	0	8
399	114019	6	Trần Đức	Thiện	20/01/2008	9A9	7	5	2,75	0	14,75
400	114061	8	Lý Trác Thanh	Thư	16/07/2008	9A9	7,25	6	4,75	1	19
401	114084	9	Trần Ngọc Anh	Thư	09/12/2008	9A9	5,75	3,5	2,25	0	11,5
402	114089	9	Võ Ngọc Anh	Thư	16/10/2008	9A9	6	4,5	3,5	0	14
403	114105	10	Bùi Hoàng Nhật	Thy	05/04/2008	9A9	5	5,25	2,25	0	12,5
404	114123	10	Vũ Nguyễn Cát	Tiên	14/09/2008	9A9	6	4	4	0	14
405	114134	11	Hà Trọng	Tín	04/01/2008	9A9	6,25	3,25	3,25	1	13,75
406	114135	11	Nguyễn Trần Trung	Tín	28/01/2008	9A9	5,25	5,75	3,5	0	14,5
407	114140	11	Trương Quân	Tín	18/09/2008	9A9	5	3,5	4	0	12,5
408	114169	12	Nguyễn Lê Bảo	Trân	18/08/2008	9A9	8	9	6,75	0	23,75
409	114196	14	Trần Phương	Trí	17/05/2008	9A9	4,75	4,25	2,5	0	11,5
410	114223	15	Trương Nguyễn Đông	Trúc	23/11/2008	9A9	6,25	4,75	3,75	0	14,75
411	114224	15	Võ Ngọc Thanh	Trúc	05/11/2008	9A9	3,5	3,5	4	0	11
412	114252	16	Lê Minh	Tuấn	14/01/2008	9A9	4,5	5	1,25	0	10,75
413	114274	17	Huỳnh Lê Thanh	Tuyền	09/04/2008	9A9	8	3,75	4,25	0	16
414	114395	22	Nguyễn Ngọc Như	Ý	28/04/2008	9A9	5	3,75	4,5	0	13,25

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
-----	-----	-------	-----------------	-----------	-----	-----	-----------	------	------	-----------

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
-----	-----	-------	-----------------	-----------	-----	-----	-----------	------	------	-----------

STT	SBD	Phòng	Họ tên học sinh	Ngày sinh	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
-----	-----	-------	-----------------	-----------	-----	-----	-----------	------	------	-----------

